

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ VĨNH YÊN  
TỈNH VĨNH PHÚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2024/HNGĐ – ST  
Ngày 26 tháng 7 năm 2024  
“V/v tranh chấp Hôn nhân gia đình”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VĨNH YÊN, TỈNH VĨNH PHÚC**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Trang Nhung

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Bùi Thanh Bình.

2. Bà Vũ Thị Kim Dung.

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Hoàng Tố Uyên - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vĩnh Yên tham gia phiên tòa:*** Bà Đỗ Hương Dung – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 60/2024/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 3 năm 2024 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 54/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Thu M, sinh năm 1988, (có mặt).

Địa chỉ: Thôn T, thị trấn T, huyện Yc, tỉnh Vĩnh Phúc.

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1993, (vắng mặt).

Địa chỉ: Khu phố 2, đường H, phường Đ, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***Trong đơn khởi kiện đề ngày 04 tháng 3 năm 2024 và lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thu M trình bày:***

***- Về tình cảm:*** Chị và anh Nguyễn Văn T kết hôn ngày 17/7/2015, được đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Đ, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc. Trước khi kết hôn chúng tôi được tự do tìm hiểu và tự nguyện đi đến hôn nhân. Kết hôn xong vợ chồng chị thuê nhà và sống chung tại thị trấn T, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc. Quá trình chung sống tình cảm vợ chồng thời gian đầu bình

thường, được khoảng 02 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không có tiếng nói chung và thường xuyên cãi chửi nhau. Anh T đã nhiều lần bỏ ra ngoài ở riêng sau đó lại quay về nhưng tình cảm vợ chồng không được cải thiện. Từ tháng 02/2024 đến nay anh T bỏ về quê tại phường Đ, thành phố V sinh sống, từ đó đến nay vợ chồng sống ly thân không còn quan tâm và hoàn toàn bỏ mặc nhau trong cuộc sống.

Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không có hạnh phúc, mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng không thể hàn gắn được nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T để cả hai có điều kiện tạo lập cuộc sống mới.

- *Về con chung*: Vợ chồng chị có 03 con chung là cháu Nguyễn Phương Th, sinh ngày 31/3/2019; cháu Nguyễn Phương A, sinh ngày 12/01/2021 và cháu Nguyễn Gia H, sinh ngày 03/4/2023.

Khi anh T bỏ đi thì các con ở với chị. Đến đầu tháng 4/2024 chị đã đưa cháu Phương Th và cháu Phương A về cho anh T nuôi dưỡng, còn chị nuôi cháu H. Từ giữa tháng 6/2024 đến nay anh T lại đưa các con về ở với chị, hiện tại cả ba con đang do chị trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Ly hôn chị có nguyện vọng xin được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu H; đề nghị giao cho anh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Phương Th và cháu Phương A, chị đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh T cho cháu Phương A số tiền 1.500.000 đồng/ 01 tháng kể từ tháng 8 năm 2024 đến khi cháu Phương A đủ 18 tuổi, có thể lao động tự túc được.

Chị đề nghị giao cho anh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Phương Th và cháu Phương A là do hiện tại kinh tế của chị khó khăn, chị không có nhà ở phải ở nhờ nhà bố mẹ đẻ tại thị trấn T. Chị đang làm nghề tự do (nghề gội đầu cắt tóc) tại thị trấn T, huyện Y. Thu nhập của chị vào khoảng 5.000.000 đồng/01 tháng. Ngoài ra, trước đây chị đã từng kết hôn và đang phải nuôi con riêng của chị với chồng trước nên chị không có khả năng nuôi cháu Phương Th và cháu Phương A.

- *Về tài sản chung, tài sản riêng, các khoản vay, cho vay chung của vợ chồng*: Chị xác định không có nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

**\* Bị đơn anh Nguyễn Văn T vắng mặt tại phiên tòa, quá trình giải quyết vụ án anh T trình bày:**

Anh thừa nhận về thời gian kết hôn, quá trình vợ chồng chung sống, mâu thuẫn vợ chồng và con chung như lời trình bày của chị M là đúng.

Nay chị M làm đơn xin ly hôn anh cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không có hạnh phúc, vợ chồng đã sống ly thân

nhau được một thời gian từ tháng 02/2024 đến nay không còn quan tâm và hoàn toàn bỏ mặc nhau trong cuộc sống nên anh cũng đồng ý ly hôn với chị M.

- *Về con chung*: Anh thừa nhận anh và chị M có 03 con chung là cháu Nguyễn Phương Th, sinh ngày 31/3/2019; cháu Nguyễn Phương A, sinh ngày 12/01/2021 và cháu Nguyễn Gia H, sinh ngày 03/4/2023.

Từ khi anh sống ly thân với chị M vào tháng 02/2024 thì các con ở với chị M. Đến khoảng tháng 4, tháng 5/2024 thì chị M đưa cháu Phương Th và cháu Phương A về ở với anh, ở được vài ngày thì cháu Phương A đòi về với mẹ nên anh phải đưa con về cho chị M, còn cháu Phương Th ở với anh đến gần cuối tháng 6/2024 thì lại đòi về ở với mẹ. Hiện nay cả ba con đang ở với chị M.

Ly hôn anh có ý kiến giao cho chị M trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu H và Phương Anh; còn giao cho anh trực tiếp nuôi dưỡng cháu Phương Th. Anh đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị M cho cháu Phương A mỗi tháng từ 1.000.000 đồng đến 1.500.000 đồng kể từ tháng 7/2024 đến khi cháu Phương A đủ 18 tuổi.

Hiện tại anh không có công ăn việc làm ổn định, không có thu nhập vì khi kết hôn với chị M hai vợ chồng đã tập trung toàn bộ kinh tế để mở cửa hàng cắt tóc gội đầu tại thị trấn T, huyện Y (từ khi anh và chị M ly thân, anh về quê ở thì chị M là người trực tiếp quản lý quán), trong thời gian vợ chồng chung sống toàn bộ kinh tế do chị M quản lý tiền và tài sản. Ngoài ra, trước khi kết hôn với chị M thì anh có một con gái riêng là Nguyễn Bích Ng, hiện tại anh đang phải nuôi dưỡng cháu.

- *Về tài sản chung, tài sản riêng, các khoản vay, cho vay chung của vợ chồng*: Anh xác định là không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

**\* *Tại biên bản lấy lời khai ngày 08 tháng 7 năm 2024 bà Nguyễn Thị C là mẹ đẻ của anh Nguyễn Văn T trình bày:***

Bà là mẹ đẻ của anh Nguyễn Văn T, là mẹ chồng của chị Nguyễn Thị Thu M. Gia đình bà tổ chức kết hôn cho anh T, chị M vào tháng 7 năm 2015. Trước khi kết hôn chị M và anh T được tự do tìm hiểu, hai gia đình không ai ép buộc gì. Kết hôn xong vợ chồng anh T, chị M thuê nhà ở chung tại huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc. Khi vợ chồng xảy mâu thuẫn thì anh T về nhà sống cùng gia đình ông bà tại phường T, thành phố V ở từ đầu năm 2024 đến nay.

Quá trình chung sống vợ chồng chị M, anh T có ba con chung là cháu Nguyễn Phương Th, sinh ngày 31/3/2019; cháu Nguyễn Phương A, sinh ngày 12/01/2021 và cháu Nguyễn Gia H, sinh ngày 03/4/2023. Từ khi vợ chồng chị M, anh T sống ly thân thì các cháu ở với chị M. Đến tháng 5/2024 thì chị M đưa hai cháu là cháu Phương Th và cháu Phương A trả về cho anh T, thời gian này bà có

giúp anh T trông các cháu. Đến tháng 6/2024 thì anh T lại đón các cháu đi, đến nay bà không biết các cháu đang ở đâu.

Vợ chồng bà hiện nay đã lớn tuổi, trước đây anh T đã có 01 con riêng là cháu Nguyễn Bích Ng, cháu Ng ở với anh T. Vợ chồng bà phải giúp anh T nuôi cháu Ng. Vợ chồng bà hiện nay đã nhiều tuổi nhưng vẫn phải đi làm thuê để lấy tiền sinh sống, nuôi cháu Ng và nuôi con trai là Nguyễn Văn Toàn (anh trai anh T) bị bệnh. Do vậy, vợ chồng bà không thể trông nom thêm con anh T được nữa.

Nay chị M xin ly hôn anh T bà thấy chị M và anh T khi sống chung thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, bà đề nghị tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc tại phiên tòa sơ thẩm: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Tòa án xác định đúng quan hệ pháp luật, tư cách của người tham gia tố tụng, thực hiện đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và bảo đảm thời hạn chuẩn bị xét xử cũng như chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu.

- Về giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56; Điều 58; Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/6/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Về hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị Thu M được ly hôn anh Nguyễn Văn T.

2. Về con chung: Đề nghị giao cho chị Nguyễn Thị Thu M trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Phương A, sinh ngày 12/01/2021 và cháu Nguyễn Gia H, sinh ngày 03/4/2023; giao cho anh Nguyễn Văn T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Phương Th, sinh ngày 31/3/2019. Anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị M cho cháu Nguyễn Phương A số tiền 1.500.000 đồng/01 tháng kể từ tháng 7/2024 đến khi cháu Phương A đủ 18 tuổi, có thể lao động tự túc được. Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở, gây khó khăn.

Kể từ ngày chị Nguyễn Thị Thu M có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh Nguyễn Văn T không tự nguyện thi hành khoản tiền cấp dưỡng nuôi con chung

nói trên thì còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

+ Về án phí sơ thẩm: Đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ anh Nguyễn Văn T nhưng anh T vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Chị Nguyễn Thị Thu M khởi kiện yêu cầu xin ly hôn với anh Nguyễn Văn T có hộ khẩu thường trú tại: Phường Đồng Tâm, thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc. Đây là tranh chấp Hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Yên theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Mai và anh T kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Đồng Tâm, thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc vào ngày 17/7/2015 là phù hợp với quy định của Luật Hôn nhân và gia đình nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp.

Qua xác minh tại địa phương nơi anh T đang cư trú và lời khai của bà Nguyễn Thị C là mẹ đẻ của anh T đều thể hiện: Chị M và anh T sống ly thân từ tháng 02/2024 đến nay. Nay chị M làm đơn xin ly hôn anh T, chính quyền địa phương cùng bà Nguyễn Thị C đều không có ý kiến gì, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Xét thấy: Việc chị M làm đơn xin ly hôn anh T vì thấy rằng quá trình chung sống vợ chồng không có hạnh phúc, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Từ đầu năm 2024 đến nay anh chị sống ly thân, không còn quan tâm, chăm sóc và hoàn toàn bỏ mặc nhau trong cuộc sống.

Quá trình giải quyết vụ án anh T đồng ý nhưng đề nghị giải quyết vắng mặt. Điều đó cho thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị M và anh T đã đến mức trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị M với anh T.

[4] Về con chung: Vợ chồng chị M, anh T có 03 con chung là cháu Nguyễn Phương Th, sinh ngày 31/3/2019; cháu Nguyễn Phương A, sinh ngày

12/01/2021 và cháu Nguyễn Gia H, sinh ngày 03/4/2023. Hiện tại cả ba cháu đang ở với chị M.

- Ly hôn chị M có nguyện vọng xin được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu H; đề nghị giao cho anh T được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Th và cháu Phương A. Chị đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung cho cháu Phương A cùng anh T số tiền 1.500.000 đồng/ 01 tháng kể từ tháng 8/2024 đến khi cháu Phương A đủ 18 tuổi, có thể lao động tự túc được.

- Anh T có ý kiến đề nghị giao cho chị M trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Nguyễn Gia H và Nguyễn Phương A; còn giao cho anh trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Nguyễn Phương Th. Anh đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị M cho cháu Phương A từ 1.000.000 đồng đến 1.500.000 đồng một tháng kể từ tháng 7/2024 đến khi cháu Phương A đủ 18 tuổi.

Thấy rằng: Quá trình giải quyết vụ án chị M và anh T không thỏa thuận được việc nuôi con, cả hai đều đưa ra các lý do hiện tại có khó khăn về kinh tế đề nghị Tòa án giao con cho phía bên kia nuôi 02 con là cháu Phương Th và cháu Phương A. Tuy nhiên, theo quy định của pháp luật khi quyết định giao con cho một người chăm sóc, nuôi dưỡng phải xem xét đến điều kiện thực tế, căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con để quyết định giao cho bố hoặc mẹ. Hiện tại các con anh T, chị M còn quá nhỏ, cháu Gia H mới hơn 01 tuổi, còn cháu Phương A mới trên 03 tuổi nên rất cần sự chăm sóc của mẹ. Do vậy, cần giao cho chị M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Gia H và cháu Phương A; giao cho anh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Phương Th. Anh T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Phương A cùng chị M số tiền 1.500.000 đồng/ 01 tháng kể từ tháng 7/2024 đến khi cháu Phương A đủ 18 tuổi, có thể lao động tự túc được là phù hợp.

[5] Về tài sản chung, tài sản riêng, khoản vay, cho vay và công sức đóng góp: Chị M và anh T đều xác nhận là không có và không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết là phù hợp.

[6] Về án phí sơ thẩm: Theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì chị Mai phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147, khoản 1 Điều 228

của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/6/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử.

1. Về hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị Thu M được ly hôn anh Nguyễn Văn T.

2. Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị Thu M trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Phương A, sinh ngày 12/01/2021 và cháu Nguyễn Gia H, sinh ngày 03/4/2023; giao cho anh Nguyễn Văn T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Phương Th, sinh ngày 31/3/2019.

Anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị M cho cháu Nguyễn Phương A số tiền 1.500.000 đồng/01 tháng kể từ tháng 7/2024 đến khi cháu Phương A đủ 18 tuổi, có thể lao động tự túc được. Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở, gây khó khăn.

Kể từ ngày chị Nguyễn Thị Thu M có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh Nguyễn Văn T không tự nguyện thi hành khoản tiền cấp dưỡng nuôi con chung nói trên thì còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về án phí sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Thu M phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số: 0005799 ngày 21 tháng 3 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc. Anh Nguyễn Văn T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án để yêu cầu xét xử phúc thẩm; bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

**Nơi nhận:**

- Viện kiểm sát nhân thành phố Vĩnh Yên;
- Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vĩnh Yên;
- Các đương sự;
- UBND phường Đ, TP V;
- Lưu HSVA; Văn phòng.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Trang Nhung**